TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 7**	**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 03-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: 2// Trần Thanh Sơn.

Các Hội thẩm quân nhân: 2// Nguyễn Quốc Hương; 4/ Nguyễn Minh Kha.

Thư ký phiên tòa: 2/ Đoàn Phước Hòa, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 tham gia phiên tòa: 1// Nguyễn Hữu Chí, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Công D; tên gọi khác: Phi; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 15/40D đường C, phường T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; con ông Huỳnh Minh D1 và bà Nguyễn Thị Thu V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào. Bị cáo Huỳnh Công D bị bắt tạm giữ từ ngày 01/5/2022 đến ngày 04/5/2022, tạm giam từ ngày 04/5/2022 đến nay tại trại tạm giam K35, Quân khu 7; có mặt.

2. Hồ Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 05 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKHKTT: 1019 đường T, tổ X, khu phố Y, phường H, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc L và bà Hồ Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào. Bị cáo Hồ Văn T bị bắt tạm giữ từ ngày

01/5/2022 đến ngày 05/5/2022, tạm giam từ ngày 05/5/2022 đến nay tại trại tạm giam K, Quân khu 7; có mặt.

3. Dương Liên K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09 tháng 9 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 36/22/1 đường H, phường H, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Dân quân thường trực, b DQTT, Ban chỉ huy quân sự quận TP, Bộ Tư lệnh TPHCM; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Đức P (đã mất) và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào. Bị cáo Dương Liên K bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2022 đến nay tại trại tạm giam K35, Quân khu 7; có mặt.

Bị hại:

1. Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 04/11/1993 tại Đồng Tháp; nghề nghiệp: Kế toán; nơi cư trú: Số 20 đường số 23, Khu phố A, phường L, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Trần Thị H2; sinh ngày 09/09/1984 tại Thái Bình; nghề nghiệp: Nhân viên đồ họa; nơi cư trú: Số 362/531 đường C, phường K, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trương Vĩnh P1; sinh ngày 01/10/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Chiến sỹ Dân quân Thường trực, Ban CHQS quận TP, Bộ Tư lệnh Thành phố HCM; nơi cư trú: Số 413, đường V, phường P, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Nguyễn Thị Ngọc Đ; sinh ngày 30/01/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; nơi cư trú: Số 36/22/1 đường H, phường H, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Nguyễn Văn P2; sinh ngày: 13/02/1988 tại Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: 401/4/26A đường N, phường L, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Vũ Hồng L; vắng mặt.

2. Dương Huệ Tr; có mặt.

3. Huỳnh Minh D; có mặt.

4. Hồ Tuyết N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 13/02/2022, Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K hẹn gặp nhau tại ngã ba đường AC – NVS thuộc quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh để đi uống cà phê. T đi từ Long An đến Thành phố Hồ Chí Minh và hỏi mượn xe Honda hiệu Vision, màu xanh nâu, BKS 59D2-462.15 của Dương Huệ Tr (em gái K, xe đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc Đ là mẹ ruột của K) để đến điểm hẹn; K điều khiển xe mô tô Honda hiệu Vario, màu đỏ đen, BKS 59D2-794.32 mượn của Trương Vĩnh P1 (Dân quân thường trực, Ban CHQS quận TP) đến địa chỉ 15/40D đường C, phường T, quận TP để đón và chở Huỳnh Công D đến Bệnh viện dã chiến số 14 để giao cơm cúng cho các nạn nhân bị tử vong do Covid-19, sau đó cả hai đến địa điểm hẹn với Hồ Văn T. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày K và D đến điểm hẹn và gặp T, tại đây D kêu K qua xe Honda Vision cho T chở để D điều khiển xe Honda Vario chạy một mình. Cả ba chạy xe qua nhiều tuyến đường trên địa bàn quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, cả ba phát hiện chị Nguyễn Thị Thu H1 đang đứng sử dụng điện thoại di động trước cửa hàng Family mart - Tòa nhà số 60A đường TS, phường H, quận TB; D nói "*để vào giật*" T và K nghe nói nhưng không nói gì mà điều khiển xe chạy vào trước đứng bên phải đường đối diện cửa hàng Family mart để hỗ trợ D, D điều khiển xe chạy vào phía bên trái lối vào tầng hầm bãi giữ xe Tòa nhà 60A rồi vòng xe lại, bất ngờ áp sát chị H1, dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay chị H1 rồi tăng ga tẩu thoát, chị H1 chạy theo hô *"cướp, cướp"*. Thấy D tăng ga tẩu thoát, T chở K tăng ga chạy theo thì thấy D đưa ra 01 chiếc điện thoại rồi đặt xuống yên xe và ngồi lên; Cả ba tiếp tục điều khiển xe qua nhiều tuyến đường thuộc quận TB.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả ba điều khiển xe đến đầu hẻm giữa nhà số 19 và số 21 đường S, phường 4, quận TB thì phát hiện chị Trần Thị H2 đang đứng sử dụng điện thoại di động bên hông nhà số 19 đường S. D và T điều khiển xe chạy đến cuối đường rồi vòng lại, sau đó T điều khiển xe chạy ra đường TL với tốc độ chậm để chờ D; D điều khiển xe quay lại đến cuối hẻm thêm lần nữa rồi vòng xe lại bất ngờ áp sát chị H2, dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay chị H2 rồi tăng ga tẩu thoát ra đường TL, thấy D chạy vượt qua, T chở K tăng ga chạy theo. Trên đường tẩu thoát, xe Honda Vision bị chết máy nên D chở T và dùng chân đẩy xe Honda Vision do K điều khiển, lúc này D chỉ tay vào phía trước xe và nói *"giật được 01 chiếc Iphone 13 Pro max và 01 chiếc Iphone 13"*. Đi được khoảng 100 mét thì xe Honda Vision khởi động được, K điều khiển xe Honda Vision chạy về nhà bà ngoại, D điều khiển xe Honda Vario chở T đi bán 02 chiếc điện thoại vừa giật được tại cửa hàng điện thoại di động TS cho Nguyễn Văn P2 (chủ cửa hàng), địa chỉ số 505 đường THĐ, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh được tổng số tiền 36.000.000 đồng, Nguyễn Văn P2 đã nhờ vợ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Hồ Văn T mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). T rút tiền và chia cho D 10.000.000 đồng, K 8.300.000 đồng, số tiền 17.700.000 đồng còn lại T lấy. Số tiền bán tài sản cướp giật được các bị cáo chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Nguyễn Văn P2 sau khi mua hai chiếc điện thoại trên do Hồ Văn T bán, đã chạy lại chương trình và bán cho 02 người khác được 41.000.000 đồng, nhưng không rõ nhân thân lai lịch của 02 người này nên không thu hồi được tài sản.

Tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T đều thừa nhận hành vi như Cáo trạng nêu là đúng. Do đang cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Huỳnh Công D rủ Hồ Văn T và Dương Liên K đi cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài, T và K nghe D rủ không nói gì mà đồng ý và điều khiển xe chạy theo để hỗ trợ D khi cần thiết. Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 13/02/2022 khi cả ba điều khiển xe đến trước cửa hàng Farmily mart ở tòa nhà 60A đường TS, phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy chị Nguyễn Thị Thu H1 đang đứng sử dụng điện thoại di động nên D nói với T và K "để vào giật", T không nói gì nhưng điều khiển xe chở K chạy trước và dừng bên phải đường đối diện cửa hàng Farmily mart để hỗ trợ D khi cần thiết, D điều khiển xe chạy vào bên trái lối vào tầng hầm bãi giữ xe Tòa nhà 60A rồi vòng xe lại, bất ngờ áp sát và giật chiếc điện thoại trên tay chị H1 rồi tăng ga tẩu thoát, thấy vậy T chở K tăng ga chạy theo, lúc này cả ba đều nghe chị H1 chạy theo và hô "cướp, cướp". Cả ba tiếp tục điều khiển xe qua nhiều tuyến đường, khi đến hẻm trước nhà số 19 và số 21 đường S, phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh thì cả ba phát hiện chị Trần Thị H2 đang đứng sử dụng điện thoại di động bên hông nhà số 19 S. D và T điều khiển xe chạy đến cuối đường rồi vòng lại, sau đó T điều khiển xe chở K chạy ra đường TL với tốc độ chậm để chờ D; D điều khiển xe quay lại đến cuối hẻm thêm lần nữa rồi vòng xe lại bất ngờ áp sát và giật chiếc điện thoại trên tay chị H2 rồi tăng ga tẩu thoát ra đường TL, thấy D chạy vượt qua, T chở K tăng ga chạy theo. Sau khi cướp giật được 02 cái điện thoại thì D nói với T là "giật được 01 cái Iphone 13 pro max và 01 cái Iphone 13", T liên hệ với Nguyễn Văn P2 chủ cửa hàng điện thoại di động TS để bán 02 cái điện thoại trên với giá 36.000.000 đồng. T nói với D chỉ bán được 30.000.000 đồng và chia cho D 10.000.000 đồng, K 8.300.000 đồng, còn lại 17.700.000 đồng T lấy. Số tiền bán tài sản cướp giật được D, T tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Liên K không thừa nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo K cho rằng bị cáo chỉ đi theo xe do T điều khiển chạy theo Huỳnh Công D, trên xe bị cáo sử dụng điện thoại di động để chơi game nên hoàn toàn không biết D và T đã cướp giật tài sản, bị cáo được T đưa số tiền 8.300.000 đồng, tuy nhiên không biết đây là tiền bán điện thoại đã cướp được, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Bị hại Nguyễn Thị Thu H1 khai tại phiên tòa: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 13/02/2022, tôi đứng trước cửa hàng Family mart, thuộc tòa nhà 60A đường TS, phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh đợi bạn và lấy điện thoại để nhắn tin thì bất ngờ có một nam thanh niên điều khiển xe mô tô Honda hiệu Vario màu đỏ áp sát tôi rồi dùng tay trái giật điện thoại trên tay tôi, rồi tăng ga bỏ chạy ra đường TS hướng về đường H, tôi có chạy theo và hô "cướp, cướp" nhưng thanh niên chạy quá nhanh. Sau đó tôi trình báo vụ việc với Công an

phường H quận TB. Tài sản tôi bị cướp giật là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max 256G Gold, tôi mua vào ngày 22/12/2021 với giá 34.330.000 đồng. Tôi yêu cầu các bị cáo bồi thường cho tôi số tiền 30.000.000 đồng.

Bị hại Trần Thị H2 khai tại phiên tòa: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13/02/2022, tôi đang đứng đợi bạn tại bên hông ngôi nhà số 19 đường S, phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đó tôi đang sử dụng điện thoại để nhắn tin thì thấy có hai chiếc xe mô tô chạy ngang qua, lúc này tôi nghĩ là người dân trong hẻm nên không để ý. Sau đó, bất ngờ có một nam thanh niên điều khiển xe mô tô màu đỏ đen từ cuối hẻm ra áp sát tôi và dùng tay trái giật điện thoại trên tay tôi rồi tăng ga bỏ chạy ra hướng đường TL. Khi đó, tôi bị bất ngờ nên không biết xử lý như thế nào, sau đó mới hô "cướp" nhưng tên cướp đã chạy xa, sau khi xảy ra sự việc tôi không trình báo Công an mà chỉ nhờ người dân gần đó kiểm tra camera, lúc này camera bị lỗi nên không xem được, hôm sau tôi thấy có đoạn video ghi lại cảnh tôi bị cướp trên mạng, nên liên hệ Cơ quan điều tra để giải quyết. Tài sản của tôi bị cướp giật là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 128G màu xanh, tôi mua vào cuối tháng 01/2022 với giá 18.000.000 đồng. Tôi yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn P2 khai tại Cơ quan điều tra: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/02/2022 có một nam thanh niên gọi điện thoại cho tôi hỏi muốn bán hai chiếc điện thoại Iphone 13 và 13 Pro max, thanh niên này nhắn tin số IMEI của hai máy qua cho tôi kiểm tra, thấy máy không có đăng ký Icloud nên kêu người đó mang máy tới kiểm tra. Một lúc sau, thanh niên kia đến một mình và đưa tôi 02 cái điện thoại Iphone 13 và 13 Pro max, cả hai điện thoại đều bị khóa màn hình, tôi có hỏi tại sao bị khóa thanh niên kia nói bán dùm bạn nên không biết, tôi cũng không hỏi thêm nhiều vì là khách quen thường xuyên mua bán điện thoại tại cửa hàng của tôi và sợ khách hàng khó tính, tôi mua 02 điện thoại trên với giá 36.000.000 đồng, tôi nói vợ chuyển khoản nam thanh niên kia 36.00.000 đồng. Sau đó tôi đã chạy lại chương trình 02 máy điện thoại trên và bán cho khách vãng lai, tôi cũng không biết nhân thân lai lịch của hai vị khách này, tôi bán Iphone 13 pro max với giá 25.000.000 đồng, Iphone 13 giá 16.000.000 đồng. Tôi không biết nguồn gốc hai điện thoại trên là tài sản bị cướp giật được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ngọc Đ khai tại phiên tòa: Tôi không biết vụ việc cướp giật xảy ra ngày 13/02/2022 do con trai tôi là Dương Liên K và đồng phạm thực hiện. Xe máy Honda Vision màu nâu, BKS 59D2-462.15 là xe do tôi mua và đứng tên chủ xe, sau đó tôi đã đưa xe này cho con gái tôi là Dương Huệ Tr sử dụng để đi học, tôi hoàn toàn không biết là T mượn xe của con gái tôi để đi cướp giật tài sản. Hiện nay tôi đã nhận lại xe này do Cơ quan điều tra trả lại cho tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Vĩnh P1 khai tại phiên tòa: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 13/02/2022 Dương Liên K có hỏi tôi mượn xe mô tô Honda hiệu Vario màu đỏ đen, BKS 59D2-794.32 của tôi để đi

giao cơm cúng cho Bệnh viện dã chiến trên đường TC và ghé đưa cơm cho chị ở Bệnh viện. Khi mượn xe K cũng không nói là khi nào trả xe, đến sáng ngày 14/02/2022 tôi có hỏi để lấy xe nhưng K nói xe để ở nhà người quen gần đơn vị, nhà chưa mở cửa nên chưa lấy xe về được. Đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 14/02/2022 thì K trả lại xe cho tôi. Xe Vario màu đỏ đen, BKS 59D2-794.32 là do tôi đứng tên mua vào tháng 3 năm 2019, hiện nay tôi là người trực tiếp quản lý và sử dụng xe này. Tôi không biết K mượn xe của tôi để đi cướp giật tài sản, tôi đã giao xe này cho CQĐT phục vụ hoạt động điều tra. Hiện nay tôi đã nhận lại xe và các tài sản khác do CQĐT bàn giao.

Người làm chứng Dương Huệ Tr khai tại phiên tòa: Khoảng chiều ngày 13/02/2022 Hồ Văn T có đến nhà và hỏi mượn xe Honda hiệu Vision, màu nâu, BKS 51D2-462.15 của tôi. Tôi không biết T mượn xe, đi đâu làm gì, đến tối cùng ngày T đem xe về trả cho tôi. Sau này tôi mới biết T sử dụng xe trên cùng với anh trai tôi đi cướp giật tài sản. Xe này là của mẹ tôi đứng tên cho tôi dùng để đi học.

Người làm chứng Vũ Hồng L khai tại Cơ quan điều tra: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 13/02/2022 tôi có chở chị Nguyễn Thị Thu H1 đến tòa nhà 60A đường TS, phường H, quận TB để liên hệ công tác. Tôi dừng xe trước cửa hàng Family mart của tòa nhà, sau đó tôi đi vào trong, chị H1 đứng ngoài xe và chờ tôi. Khoảng 5 – 10 phút sau chị H1 đi vào trong tòa nhà và báo tôi là đã bị cướp giật điện thoại Iphone 13 pro max 256G gold. Sau đó, tôi chở chị H1 về nhà, khoảng 15 giờ 45 phút ngày 14/02/2022, tôi có liên hệ Ban quản lý tòa nhà 60A để nhờ trích xuất camera vụ việc và thấy có 01 nam thanh niên chạy xe máy màu đỏ và thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị H1. Đến 21 giờ cùng ngày thì tôi và chị H1 đến công an phường H, quận TB trình báo vụ việc.

Người làm chứng Hồ Tuyết N khai tại phiên tòa: Tôi đã nộp 2.000.000 đồng cho Tòa án để khắc phục một phần hậu quả do Hồ Văn T là anh ruột của tôi gây ra. Tôi không yêu cầu T hoàn trả lại số tiền này.

Người làm chứng Huỳnh Minh D1 khai tại phiên tòa: Tôi đã nộp 2.000.000 đồng cho Tòa án để khắc phục một phần hậu quả do Huỳnh Công D là con ruột của tôi gây ra. Tôi không yêu cầu D hoàn trả lại số tiền này.

Tại Biên bản định giá, Kết luận định giá tài sản trong TTHS số 18/HĐĐGTS-TTHS ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận TB kết luận: Điện thoại di động Iphone 13 Pro max - 256G gold có giá 28.000.000 đồng, điện thoại di động Iphone 13 - 128G màu xanh có giá 20.000.000 đồng.

Dữ liệu camera ghi lại hình ảnh tại khu vực số nhà 60A đường TS, phường H, quận TB và tại khu vực số nhà 19 đường S, phường 4, quận TB. Kết luận giám định số 2069/KL-KTHS ngày 27/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, các đoạn video trên không có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung, hình ảnh (có trích xuất một số hình ảnh liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội).

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS71 ngày 26/7/2022, Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 truy tố các bị cáo: Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về hình sự, tuyên bố các bị cáo: Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K phạm tội "Cướp giật tài sản".

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K thực hiện liên tục 02 lần cướp giật tài sản nên chịu tình tiết tăng nặng TNHS "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ TNHS "người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Huỳnh Công D và áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ TNHS "người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" và "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho Hồ Văn T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Công D từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 01/5/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 01/5/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 3 Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Liên K từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02/3/2022.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen và 01 (một) quần lửng Jeans màu xanh của bị cáo Dương Liên K (còn nguyên niêm phong) đây là vật chứng của vụ án nhưng không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, nên áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho bị cáo Dương Liên K.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen số IMEI: 357284093445210 của bị cáo Dương Liên K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng số IMEI 353289075655425 của bị cáo Hồ Văn

T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng số IMEI 355734970259457 của bị cáo Huỳnh Công D đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng xét thấy cần thiết phải tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 (một) USB màu trắng hiệu Kingston, dung lượng 4GB chứa dữ liệu hình ảnh camera vụ cướp giật tại trước cửa hàng Family Mart tòa nhà 60A đường TS, phường H, quận TB, TPHCM; 01 (một) thẻ nhớ hiệu SanDisk Ultra, dung lượng 16GB chứa dữ liệu hình ảnh camera vụ cướp giật tại số nhà 19, 21 đường S, phường 4, quận TB, TPHCM; 01 (một) USB hiệu Kingston SA400S37120G dung lượng 16GB chứa dữ liệu hình ảnh camera tại trước cổng Ban CHQS quận TP. Đây là những vật điện tử chứa dữ liệu dùng để làm chứng cứ chứng minh vụ án nên cần phải tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Về bồi thường thiệt hại, áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Thị H2 tổng số tiền 48.000.000 đồng, cụ thể bồi thường cho Nguyễn Thị Thu H1 30.000.000 đồng, bồi thường cho Trần Thị H2 18.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D, T, bị hại Nguyễn Thị Thu H1, Trần Thị H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ngọc Đ, Trương Vĩnh P1 nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Không ai bào chữa, không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Dương Liên K không đồng ý với đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo cho rằng mình không phạm tội "Cướp giật tài sản" bởi vì bị cáo chỉ đi theo xe do T điều khiển và hoàn toàn không biết D, T đã cướp giật tài sản, bị cáo chỉ là không tố giác tội phạm. Bị cáo xin Hội đồng xét xử được tự nguyện nộp 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả.

Đối đáp với ý kiến của bị cáo K, Kiểm sát viên phân tích, làm rõ hành vi, vai trò của bị cáo K trong vụ án và giữ nguyên quan điểm như luận tội, hành vi của bị cáo đã được làm rõ, chứng minh qua các lời khai của bị cáo D, T và dữ liệu camera được làm rõ tại phiên tòa. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện nộp 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng bổ sung cho bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong khi nói lời sau cùng, các bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1, Quân khu 7, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng. Lời khai của bị cáo D, T phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Dương Liên K, mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng chỉ đi theo xe do T điều khiển hoàn toàn không biết D và T thực hiện hành vi cướp giật tài sản, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai này của bị cáo K là không phù hợp, bởi vì bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị khiếm khuyết gì về mặt nhận thức, cả hai lần D thực hiện hành vi cướp giật tài sản K đều ngồi phía sau xe do T chở (tăng ga bỏ chạy theo D) mà không hay biết gì là không đúng, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ việc. Ngoài ra chiếc xe do bị cáo D điều khiển để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là xe của bị cáo mượn của anh Trương Vĩnh P1; bị cáo đã nhận và tiêu xài cá nhân hết số tiền 8.300.000 đồng do T đưa từ việc bán hai chiếc điện thoại đã cướp giật được. Do đó, từ những chứng cứ như trên buộc bị cáo phải nhận thức được hành vi phạm tội của D, T cũng như bản thân bị cáo với vai trò đồng phạm, hỗ trợ, tạo điều kiện tích cực về mặt tinh thần cho các bị cáo khác.

Căn cứ vào diễn biến các tình tiết của vụ án, các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/02/2022, để có tiền tiêu xài cá nhân nên Huỳnh Công D rủ Hồ Văn T, Dương Liên K cùng nhau đi cướp giật tài sản được T, K đồng ý và điều khiển xe chạy theo để hỗ trợ D khi cần thiết. Cả ba lái xe qua nhiều tuyến đường thuộc quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh tìm "đối tượng" sơ hở để cướp giật tài sản.

Lần thứ nhất: Khi đến tòa nhà 60A đường TS, phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh cả ba phát hiện chị Nguyễn Thị Thu H1 đang đứng sử dụng điện thoại di động một mình, nên D lái xe áp sát và dùng tay trái để giật điện thoại Iphone 13 pro max của chị H1, còn T chở K dừng xe đối diện để hỗ trợ khi cần thiết. Sau khi giật được điện thoại D tăng ga bỏ chạy, T chở K tăng ga chạy theo để tẩu thoát.

Lần thứ hai: Sau khi giật được điện thoại của chị H1 trên đường tẩu thoát, cả ba tiếp tục lái xe qua nhiều tuyến đường thuộc quận TB, khi đến trước hẻm giữa số nhà 19 và 21 đường S, phường 4, quận TB cả ba phát hiện chị Trần Thị H2 đang đứng sử dụng điện thoại một mình nên cả ba lái xe đến cuối hẻm rồi vòng lại, T chở K chạy chậm ra đường TL để đợi D, D quay vòng lại cuối hẻm một lần nữa rồi quay lại áp sát, dùng tay trái giật lấy điện thoại Iphone 13 trên tay chị H2, rồi nhanh chóng tăng ga tẩu thoát ra đường TL, T thấy D chạy qua nên tăng ga chạy theo.

Sau khi cướp được hai chiếc điện thoại Iphone 13 pro max và Iphone 13, T liên hệ bán cho Nguyễn Văn P2 được 36.000.000 đồng, T chia cho Huỳnh Công D 10.000.000 đồng, Dương Liên K 8.300.000 đồng, T lấy 17.700.000 đồng, cả ba đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Theo kết luận định giá tài sản trong TTHS số 18/HĐĐGTS-TTHS ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận TB kết luận: Điện thoại di động Iphone 13 Pro max – 256G gold có giá 28.000.000 đồng, điện thoại di động Iphone 13 – 128G màu xanh có giá 20.000.000 đồng, tổng tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng, các bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, đây là phương tiện nguy hiểm có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe cho người khác. Do đó, hành vi của các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy quan điểm trong khi luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ TNHS về "người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" theo điểm b khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T và Dương Liên K; áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ TNHS về "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Văn T. Hội đồng xét xử thấy rằng, trước khi mở và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K đã tự nguyện và tác động gia đình nộp thay cho mỗi bị cáo số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra, bị cáo Hồ Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang về mặt tinh thần cho bị hại, gây mất trật tự trị an, an toàn giao thông đường bộ. Hành vi vừa điều khiển xe máy vừa cướp giật tài sản của người khác, sau đó nhanh chóng tẩu thoát khỏi sự truy đuổi là thủ đoạn phạm tội nguy hiểm có khả năng gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an

xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội do mình gây ra. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc từ trước. Mục đích các bị cáo chiếm đoạt tài sản là để bán có tiền tiêu xài cá nhân. Trong vụ án, bị cáo Huỳnh Công D là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đi cướp giật tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật do đó, bị cáo D là người chịu TNHS cao nhất; bị cáo Hồ Văn T là người tiếp nhận ý chí từ bị cáo D và là người giúp sức trong việc thực hiện hành vi cướp giật và tiêu thụ tài sản nên bị cáo T chịu TNHS sau bị cáo D; bị cáo Dương Liên K là người tiếp nhận ý chí cướp giật tài sản từ bị cáo D và là người giúp sức, sẵn sàng hỗ trợ D và T khi cần thiết, nên bị cáo K chịu TNHS sau bị cáo T. Vì vậy, khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K đã thực hiện liên tục hành vi cướp giật tài sản 02 lần đối với các bị hại Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Thị H2, nên các bị cáo D, T, K phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K đã tự nguyện và tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo D, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Dương Liên K khai được cấp giấy khen tham gia chống dịch, tuy nhiên bị cáo không cung cấp được giấy tờ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo D, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, tuy nhiên các bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe tốt nhưng không tu chí tìm việc làm mà lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản. Riêng đối với bị cáo Dương Liên K là Dân quân thường trực nhưng không chịu phấn đấu tu dưỡng rèn luyện bản thân, nghe lời rủ rê của người khác, không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt. Xét tính chất vụ án rất nghiêm trọng, hành vi nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo, cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Qua xem xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với Nguyễn Văn P2 là người thu mua 02 (hai) chiếc điện thoại do Hồ Văn T bán: Trong quá trình điều tra Phúc xác nhận khi mua 02 chiếc điện thoại trên từ T, P2 không biết đây là tài sản trên do phạm tội mà có. Do đó, không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn P2 là có cơ sở. Đối với số tiền 41.000.000 đồng, P2 thu được từ việc bán 02 chiếc điện thoại do các bị cáo cướp giật được, đây là tài sản Phúc chiếm hữu ngay tình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Công D khai trước đây đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản khác tại phường 12, quận TB và phường SK, quận TP. Cơ quan điều tra đã đăng tin tìm bị hại và xác minh vụ việc nhưng Công an phường 12, quận TB và Công an phường SK, quận TP xác nhận không có tiếp nhận tin báo về các vụ cướp giật tài sản như trên, không có cơ sở xem xét TNHS nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, bị hại Trần Thị H2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng, các bị cáo không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bị cáo đã cùng nhau cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Thị H2 nên các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu H1 và bị hại Trần Thị H2 tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo Huỳnh Công D phải bồi thường số tiền là 20.160.000 đồng, đã bồi thường được số tiền là 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền là 18.160.000 đồng; bị cáo Hồ Văn T phải bồi thường số tiền là 19.200.000 đồng, đã bồi thường được số tiền là 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền là 17.200.000 đồng; bị cáo Dương Liên K phải bồi thường số tiền là 8.640.000 đồng, đã bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền là 6.640.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo D phải bồi thường 12.600.000 đồng, đã bồi thường 1.250.000 đồng, còn phải bồi thường 11.350.000 đồng; bị cáo T phải bồi thường 12.000.000 đồng, đã bồi thường 1.250.000 đồng, còn phải bồi thường 10.750.000 đồng; bị cáo K phải bồi thường 5.400.000 đồng, đã bồi thường 1.250.000 đồng, còn phải bồi thường 4.150.000 đồng.

- Bồi thường cho bị hại Trần Thị H2 18.000.000 đồng. bị cáo D phải bồi thường 7.560.000 đồng, đã bồi thường 750.000 đồng, còn phải bồi thường 6.810.000 đồng; bị cáo T bồi thường 7.200.000 đồng, đã bồi thường 750.000 đồng, còn phải bồi thường 6.450.000 đồng; bị cáo K phải bồi thường 3.240.000 đồng, đã bồi thường 750.000 đồng, còn phải bồi thường 2.490.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ngày 22/6/2022 Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1, Quân khu 7 đã ra Quyết định xử lý vật chứng 66/QĐ-XLVC: Trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc Đ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, BKS 59D2-462.15, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 075139 do Công an Quận TP cấp ngày 09/10/2017; trả lại cho Trương Vĩnh P1 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario, màu đỏ đen, BKS 59D2-794.32, 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương nhạt, có in hình Doraemon và dòng chữ "Doraemon" hai bên. Việc xử lý vật chứng như trên của Cơ quan điều tra là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen và 01 (một) quần lửng Jeans màu xanh của bị cáo Dương Liên K (còn nguyên niêm phong) đây là vật chứng của vụ án nhưng không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, nên áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho bị cáo Dương Liên K.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen số IMEI: 357284093445210 của bị cáo Dương Liên K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng số IMEI 353289075655425 của bị cáo Hồ Văn T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng số IMEI 355734970259457 của bị cáo Huỳnh Công D đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng xét thấy cần thiết phải tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 (một) USB màu trắng hiệu Kingston, dung lượng 4G chứa dữ liệu hình ảnh camera vụ cướp giật tại trước cửa hàng Family Mart tòa nhà 60A đường TS, phường H, quận TB, TPHCM; 01 (một) thẻ nhớ hiệu SanDisk Ultra, dung lượng 16G chứa dữ liệu hình ảnh camera vụ cướp giật tại số nhà 19, 21 đường S, phường 4, quận TB, TPHCM; 01 (một) USB hiệu Kingston SA400S37120G dung lượng 16G chứa dữ liệu hình ảnh camera trước cổng BCHQS quận TP. Đây là những vật điện tử chứa dữ liệu dùng để làm chứng cứ chứng minh vụ án nên cần phải tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường, cụ thể bị cáo Huỳnh Công D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 18.160.000 x 5% = 908.000 (chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, bị cáo Hồ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.200.000 x 5% = 860.000 (tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, bị cáo Dương Liên K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.640.000 x 5% = 432.000 (bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Công D, tên gọi khác: Phi, Hồ Văn T, Dương Liên K phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Công D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 01 tháng 5 năm 2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 01 tháng 5 năm 2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Liên K 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02 tháng 3 năm 2022.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu H1 và bị hại Trần Thị H2 tổng số tiền là 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng. Trong đó, bị cáo Huỳnh Công D phải bồi thường số tiền là 20.160.000 (hai mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng, đã bồi thường được số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 18.160.000 (mười tám triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng; bị cáo Hồ Văn T phải bồi thường số tiền là 19.200.000 (mười chín triệu hai trăm nghìn) đồng, đã bồi thường được số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 17.200.000 (mười bảy triệu hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Dương Liên K phải bồi thường số tiền là 8.640.000 (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, đã bồi thường số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 6.640.000 (sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bị cáo Huỳnh Công D phải bồi thường số tiền là 12.600.000 (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, đã bồi thường số tiền là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 11.350.000 (mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Hồ Văn T phải bồi thường số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, đã bồi thường số tiền là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 10.750.000 (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Dương Liên K phải bồi thường số tiền là 5.400.000 (năm triệu bốn trăm nghìn) đồng, đã bồi thường số tiền là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 4.150.000 (bốn triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bồi thường cho bị hại Trần Thị H2 18.000.000 đồng. Bị cáo Huỳnh Công D phải bồi thường số tiền là 7.560.000 (bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, đã bồi thường số tiền là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 6.810.000 (sáu triệu tám trăm mười nghìn) đồng; bị cáo Hồ Văn T phải bồi thường số tiền là 7.200.000 đồng, đã bồi thường số tiền là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 6.450.000 (sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Dương Liên K phải bồi thường số tiền là 3.240.000 đồng, đã bồi thường số tiền là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, còn phải bồi thường số tiền là 2.490.000 (hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được bồi thường, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì họ còn phải trả lãi với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Dương Liên K: 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen và 01 (một) quần lửng Jeans màu xanh của bị cáo Dương Liên K (còn nguyên niêm phong).

- Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen số IMEI: 357284093445210 của bị cáo Dương Liên K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng số IMEI 353289075655425 của bị cáo Hồ Văn T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng số IMEI 355734970259457 của bị cáo Huỳnh Công D.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) USB màu trắng hiệu Kingston, dung lượng 4GB; 01 (một) thẻ nhớ hiệu SanDisk Ultra, dung lượng 16GB; 01 (một) USB hiệu Kingston SA400S37120G dung lượng 16GB.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo Huỳnh Công D, Hồ Văn T, Dương Liên K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Huỳnh Công D phải chịu 908.000 (chín trăm lẻ tám nghìn) đồng, bị cáo Hồ Văn T phải chịu 860.000 (tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, bị cáo Dương Liên K phải chịu 432.000 (bốn trăm ba mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03 tháng 11 năm 2022), các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7; đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- VKSQSQK7;
- VKSQSKV71;
- Cơ quan ĐTHSKV1/QK7;
- Cơ quan THAHSQK7;
- Cơ quan THADSQK7;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- NCQL,NVLQĐVA;
- Lưu hồ sơ./.